CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình

Ngày 30/09/2025	7,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.6%	**12.1%**	**8.8%**

DT thuần
Q3/25
1,123
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 179| 18.9%
YoY: ▲ 148| 15.1%

LN thuần
Q3/25
171
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 274| 266%
YoY: ▲ 160| 1517%

LN sau thuế
Q3/25
188
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 142| 309%
YoY: ▲ 175| 1383%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
26.4%
YoY: +/-▲ 11.2%

ROE (TTM)
Q3/25
13.9%
YoY: +/-▲ 9.4%

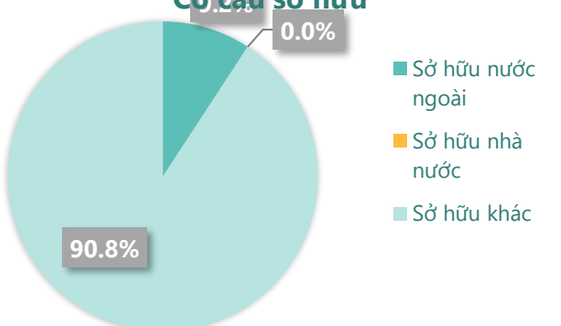
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,900 - 8,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,569
Số lượng CPLH (CP)	347,213,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,570,685
Sở hữu nước ngoài	9.2%
Beta	1.65
EPS	721
P/E	10.3

DT thuần
9T 2025
2,759
tỷ VNĐ
YoY: ▼2,028| -42.4%

LN thuần
9T 2025
68.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼229| -77.1%

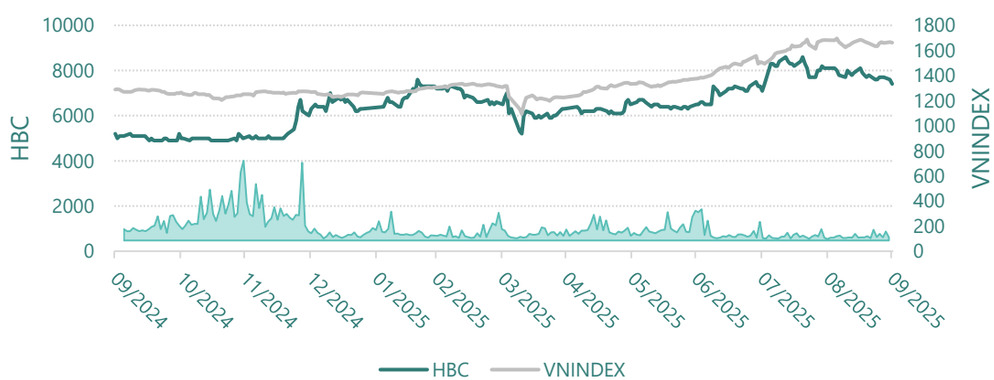
LN sau thuế
9T 2025
240
tỷ VNĐ
YoY: ▼602| -71.5%

Cơ cấu sở hữu

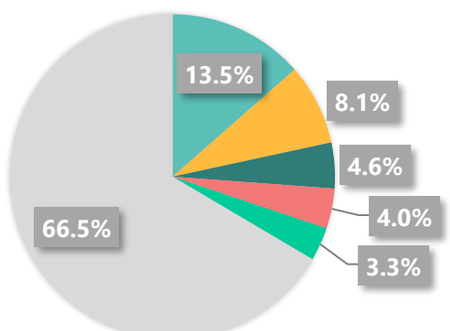


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

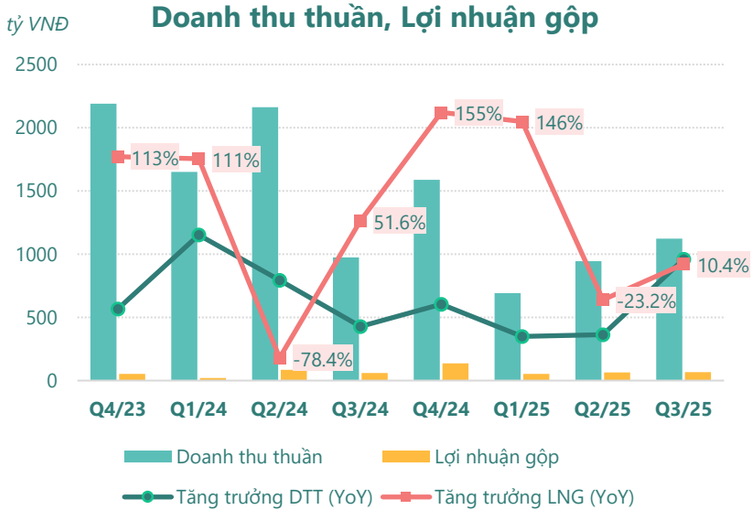


- Lê Viết Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Hyundai Elevator Co., Ltd
- Korea Investment Management Co., Ltd
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- PYN Elite Fund (Non-Ucits)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

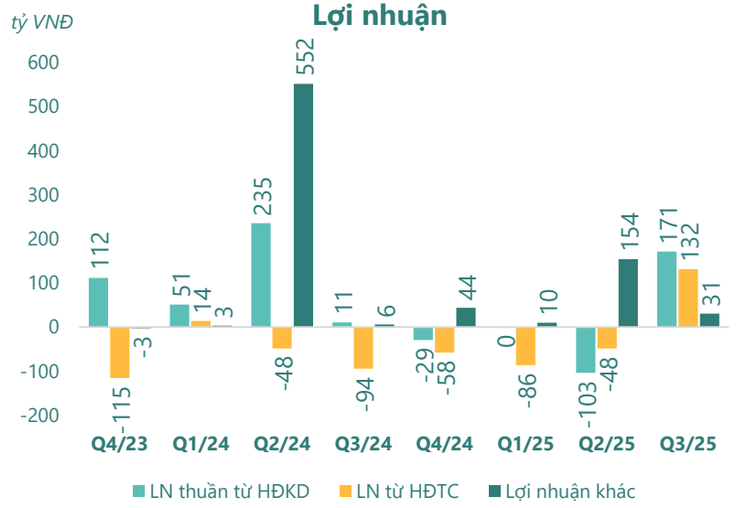
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



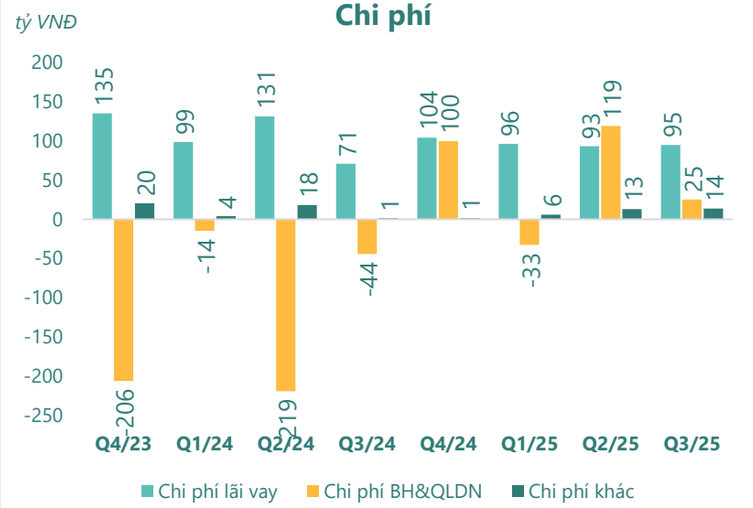
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



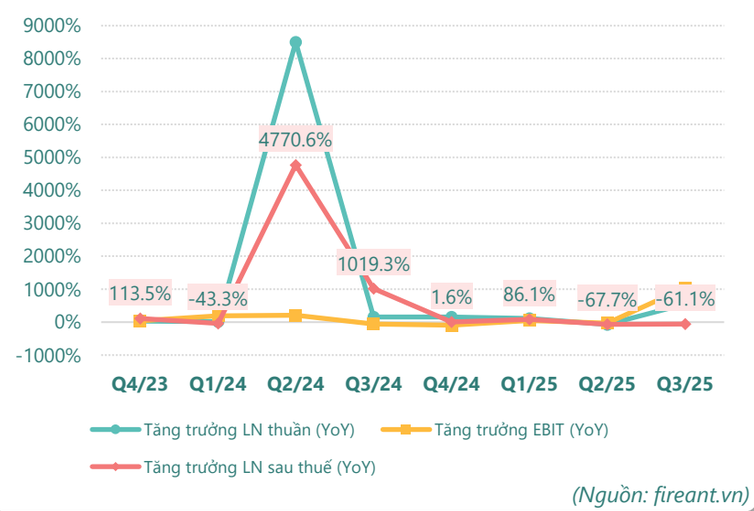
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



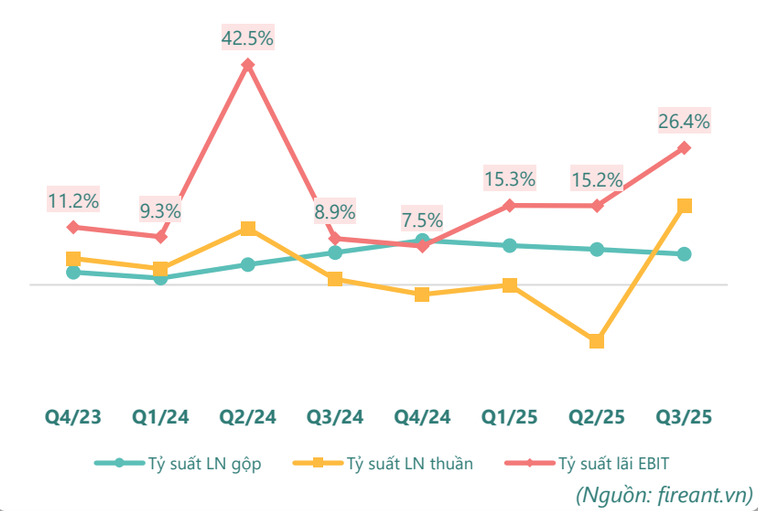
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



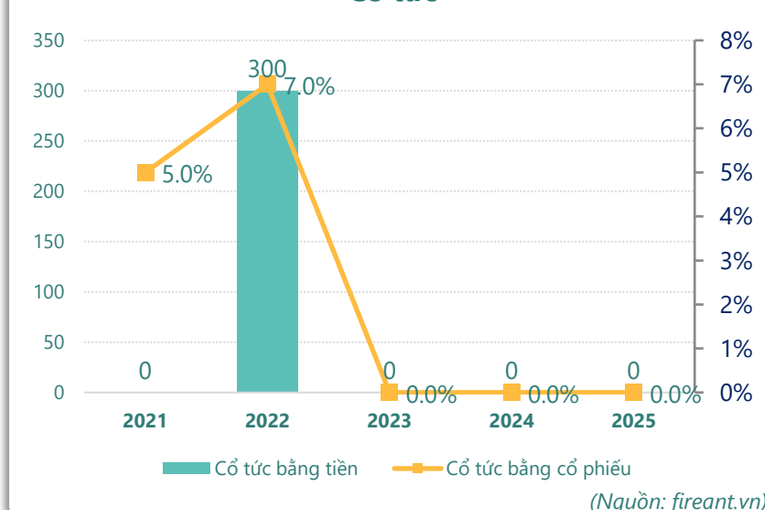
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

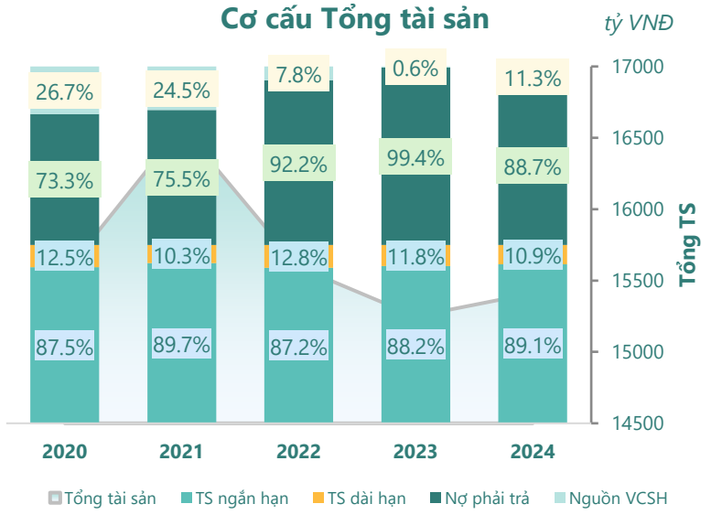
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

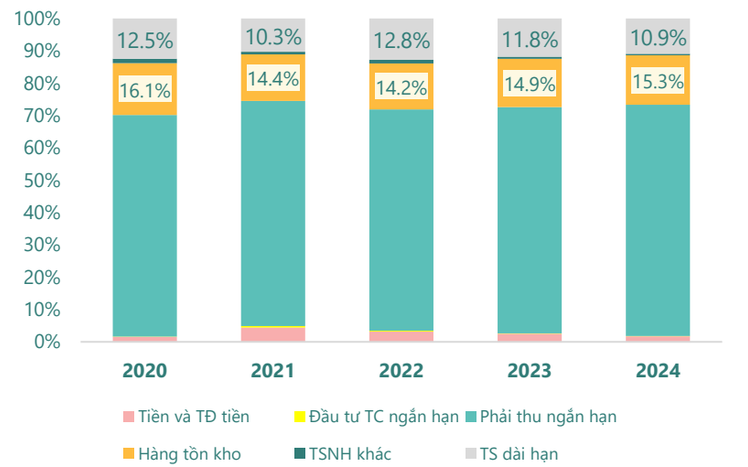
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



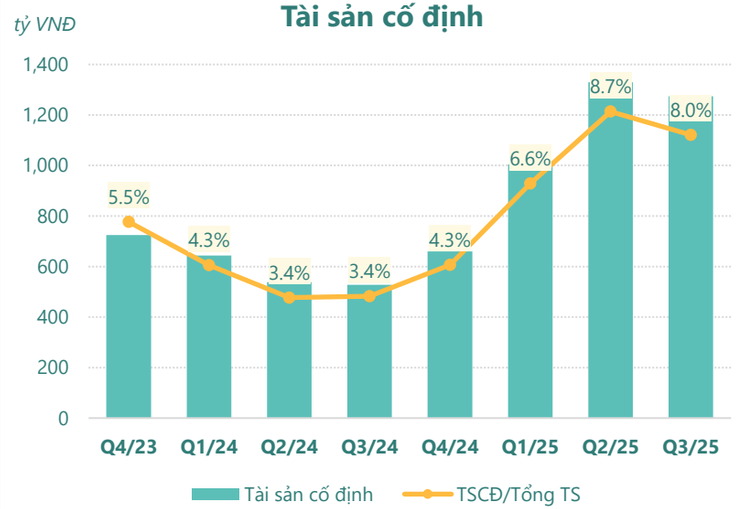
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



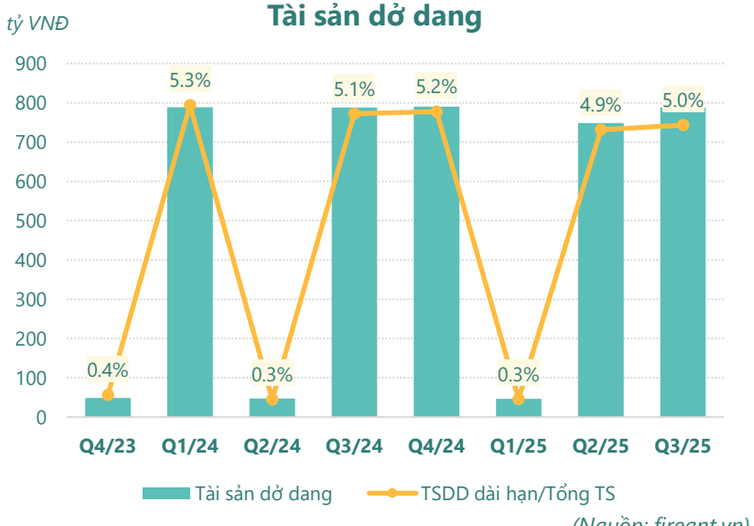
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



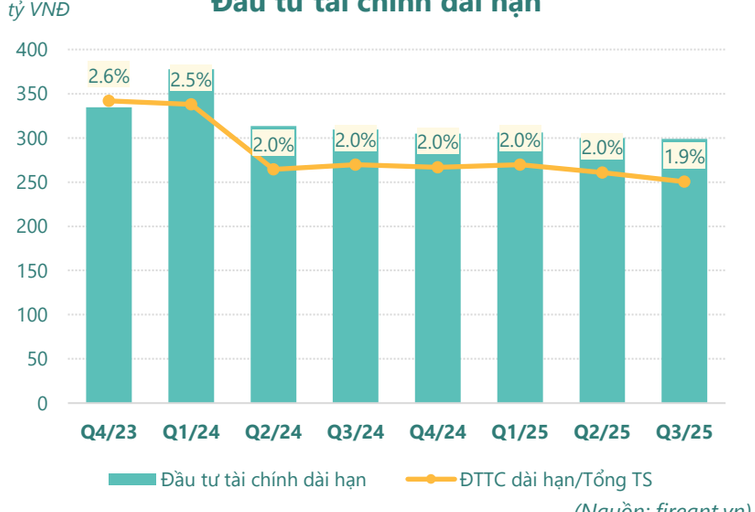
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



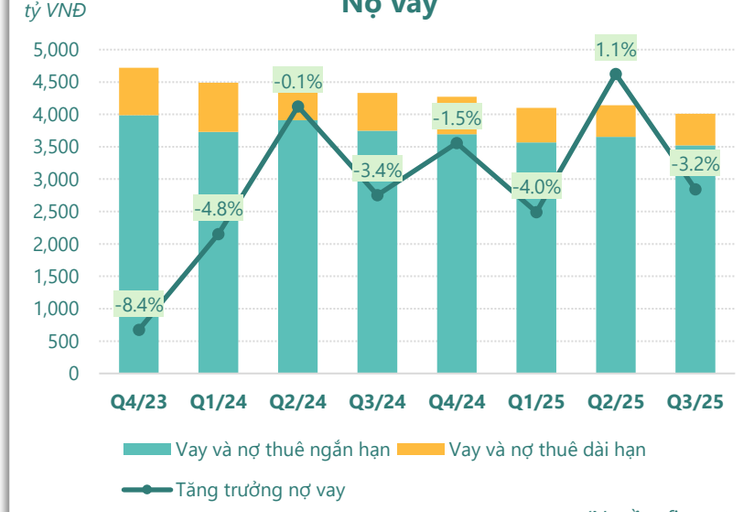
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

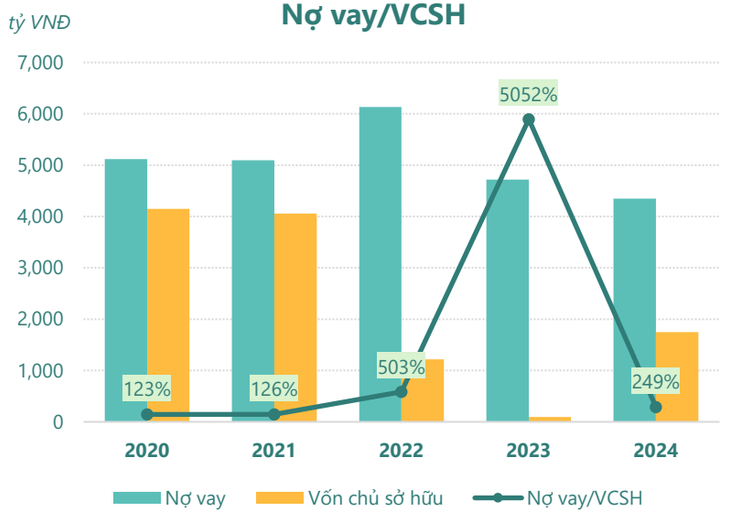
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

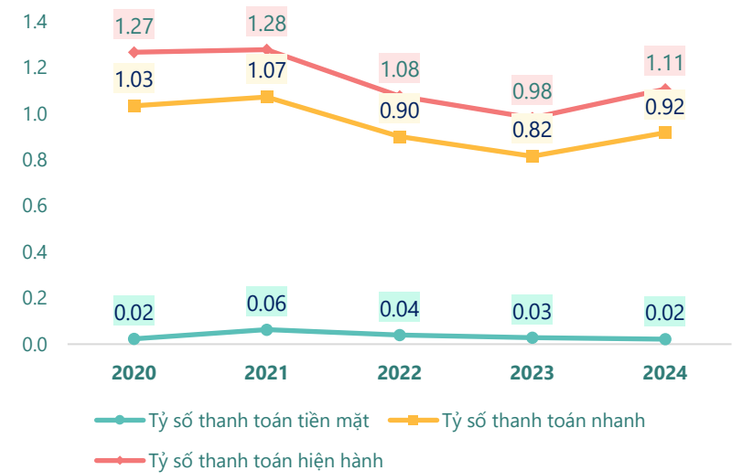
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



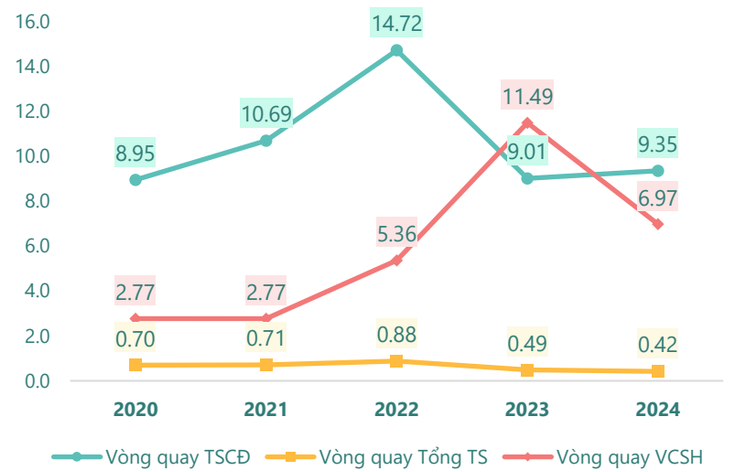
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



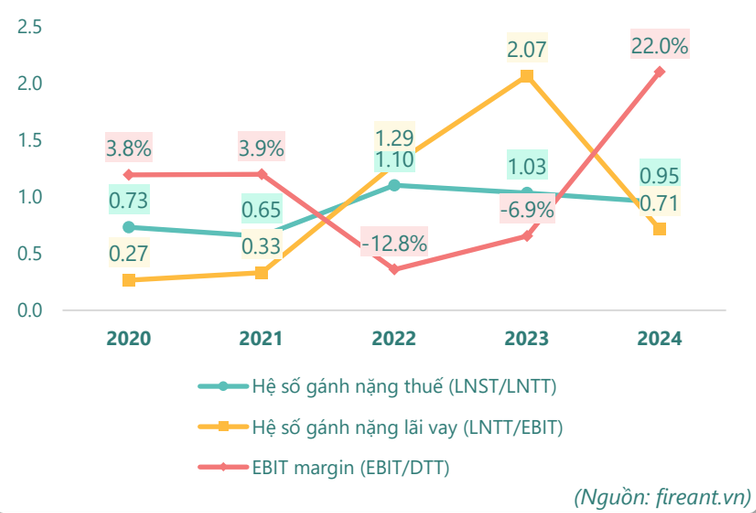
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



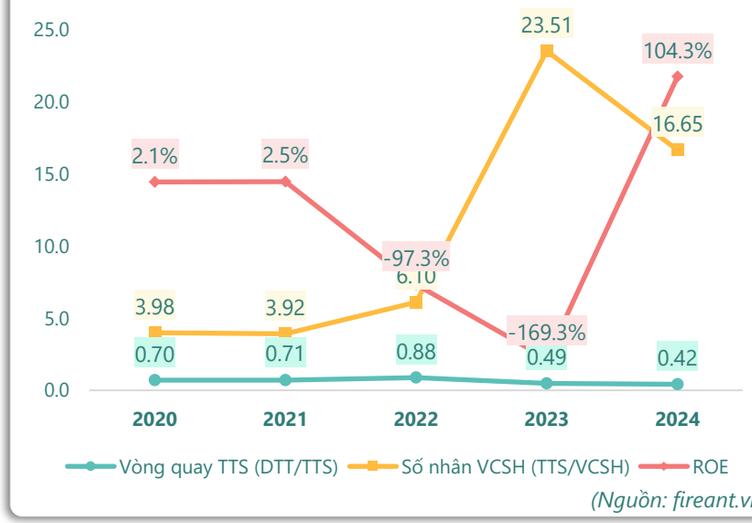
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



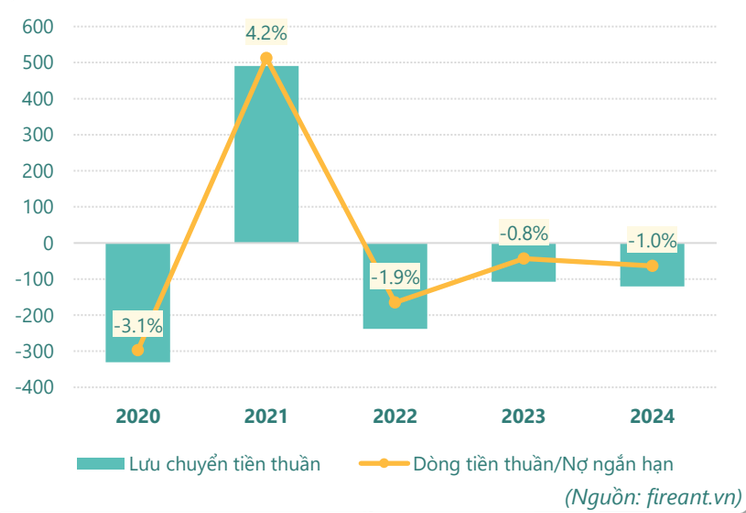
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,123**	**975**	**15.1%**	**2,759**	**4,787**	**-42.4%**
Giá vốn hàng bán	1,056	914	15.5%	2,575	4,621	-44.3%
Lợi nhuận gộp	66.8	60.5	10.5%	184	166	10.7%
Doanh thu HĐTC	230	-22.3	1129%	286	173	65.4%
Chi phí TC	98.0	72.0	36.1%	289	302	-4.2%
Chi phí lãi vay	94.9	71.0	33.6%	284	301	-5.4%
LN trong công ty LKLD	**-1.48**	**0.23**	**-745%**	**-1.16**	**-18.2**	**93.6%**
Chi phí bán hàng	10.9	7.81	39.2%	25.2	21.0	19.9%
Chi phí QLDN	**14.5**	**-52.0**	**128%**	**86.7**	**-299**	**129%**
LN thuần từ HĐKD	171	10.6	1517%	68.0	297	-77.1%
Lợi nhuận khác	**30.5**	**5.61**	**444%**	**194**	**560**	**-65.3%**
LN trước thuế	202	16.2	1147%	262	858	-69.4%
Lợi nhuận sau thuế	**188**	**12.7**	**1383%**	**240**	**842**	**-71.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**182**	**7.86**	**2214%**	**238**	**837**	**-71.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-69.8	-190	370	408	298	466
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	65.5	181	-169	-383	-389	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.53	-151	-63.3	-157	57.0	-240
Tiền đầu kỳ	315	305	144	268	136	101
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.86**	**-160**	**138**	**-132**	**-34.4**	**215**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0	-0.09	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	305	144	282	136	101	317

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**15,908**	**15,412**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	12,999	13,735	-5.4%
Tiền và tương đương tiền	317	268	18.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.67	14.1	-81.1%
Phải thu ngắn hạn	10,228	11,012	-7.1%
Hàng tồn kho	2,357	2,357	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	94.2	83.0	13.5%
Tài sản dài hạn	**2,909**	**1,677**	**73.5%**
Phải thu dài hạn	117	256	-54.4%
Tài sản cố định	1,274	660	93.0%
Bất động sản đầu tư	163	164	-0.3%
Tài sản dở dang	788	48.2	1536%
Đầu tư tài chính dài hạn	299	305	-2.0%
Tài sản dài hạn khác	**261**	**232**	**12.5%**
Lợi thế thương mại	7.61	12.3	-37.9%
Nợ phải trả	13,945	13,664	2.1%
Nợ ngắn hạn	**12,739**	**12,411**	**2.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,521	3,818	-7.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,426	4,171	6.1%
Nợ dài hạn	1,206	1,253	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	490	532	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,963**	**1,748**	**12.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,963**	**1,748**	**12.3%**
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)